**Mẫu số 23 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ …** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tọa độ các điểm khép góc**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu… | | | X(m) | Y(m) | | Khu vực tiếp tục thăm dò | | | | 1  2  … |  |  | | Diện tích: … ha | | | | Khu vực trả lại | | | | 1  2  … |  |  | | Diện tích: … ha | | |   Khung tọa độ | **BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**  (tên khoáng sản)…..tại khu vực (mỏ)…., xã….., huyện…., tỉnh….  (Kèm theo Quyết định số......./GP-UBND ngày.... tháng.....năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh)  Nền địa hình  Ranh giới khu vực thăm dò   |  |  | | --- | --- | | Người thành lập  Tỷ lệ:…..  (Ký, họ tên) | Tổ chức, cá nhân thành lập  (Ký, đóng dấu) |   “Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,  kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...” | CHỈ DẪN |